

Bản án số: 655/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 11 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thanh Hương;

- Bà Bùi Thụy Thanh Thảo;

Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ; địa chỉ thường trú: 64/2 Đường 702 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 155 đường Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh có mặt;

Bị đơn: Ông Phạm Hữu P; địa chỉ: 64/2 Đường 702 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày:**

Bà Đ và ông Phạm Hữu P quen biết, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Quyền số 01, ngày 1998, do Ủy ban nhân dân phường Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu thời kỳ hôn nhân bà Đ và ông P sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, khác biệt nhau trong lối sống và suy nghĩ, ông P không có trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Nay bà Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P nên đề nghị Tòa án giải

quyết cho chúng tôi ly hôn với ông P để rõ ràng về mặt pháp lý, sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng cùng sống có 02 con chung Phạm Hữu T, sinh 13/11/2000, (đã thành niên) sẽ tự quyết định việc sống với cha hay mẹ. Bà Trương Thị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Thị Mỹ N, sinh 13/4/2005 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Phạm Hữu P trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm thụ lý, hòa giải xét xử và tại phiên tòa vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông P:**

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Phạm Hữu P. Giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Mỹ N, sinh 13/4/2005, không yêu cầu ông P cấp dưỡng, ý kiến của trẻ Ngân có nguyện vọng ở với bà Đ, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao trẻ Ngân cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Trương Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Phạm Hữu P. Tại thời điểm bà Đ khởi kiện thì ông Phạm Hữu P đang cư trú tại Quận 11. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

Tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Hữu P vắng mặt, đây là lần thứ hai ông P vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trương Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hữu P với lý do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hòa hợp về vấn đề tình cảm. Nguyên nhân bà Đ và ông P không hợp tính tình, quan điểm sống. Bà Đ xác định không còn tình cảm với ông P nên xin được ly hôn. Xét thấy, giữa bà

Đen và ông P có phát sinh mâu thuẫn. Bà Đen xác định không còn tình cảm với ông P, không thể tồn tại hôn nhân, sống không hạnh phúc. Việc bà Đen yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông P với lý do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Con chung Phạm Hữu T, sinh 13/11/2000, (đã thành niên) sẽ tự quyết định việc sống với cha hay mẹ. Bà Trương Thị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Thị Mỹ N, sinh 13/4/2005 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng, ông P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến của ông P về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của trẻ Ngân muốn được sống chung với bà Đ. Nhận thấy bà Đen hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và có việc làm, thu nhập ổn định, việc bà Đen yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà Đen nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện kinh tế của bà Đen, phù hợp với điều kiện phát triển bình thường của trẻ, tránh việc thay đổi cuộc sống sinh hoạt, học tập của hai trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Đ.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

Bị đơn ông Phạm Hữu P trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm thụ lý, hòa giải xét xử và tại phiên tòa vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông P. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Trương Thị Đ được ly hôn với ông Phạm Hữu P, giao con chung là trẻ Phạm Thị Mỹ N, sinh 13/4/2005 cho bà Đen trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Trương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Bà Trương Thị Đ được ly hôn với Phạm Hữu P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Quyền số 01, ngày 1998, do Ủy ban nhân dân phường Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Thị Mỹ N, sinh 13/4/2005. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đen không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ Phạm Hữu T, sinh 13/11/2000, (đã thành niên) sẽ tự quyết định việc sống với cha hay mẹ.

Ông Phạm Hữu P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010110 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án Hôn nhân và gia đình Quận 11. Bà Trương Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu Thuận

